ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60 /2016/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về nuôi cá lồng, bè trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ
ĐẾN Số: 1204
Ngày: 05/9
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quy chuẩn Quốc gia lĩnh vực thú y về Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - Điều kiện vệ sinh thú y;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn Quốc Gia về điều kiện nuôi thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 969 /TTr-SNN và PTNT ngày 28 tháng 7 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nuôi cá lồng, bè trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử;
- VP: Lãnh đạo và CV: TNMT, TH;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ NUÔI CÁ LỒNG, BÈ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định điều kiện cơ sở, kỹ thuật nuôi; vùng nuôi cá lồng, bè trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực nuôi cá lồng, bè trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cở sở nuôi cá lồng, bè: là nơi diễn ra hoạt động nuôi cá lồng, bè nước ngọt, lợ, mặn do tổ chức, cá nhân làm chủ.

2. Vùng nuôi: là nơi tập trung nhiều cơ sở nuôi cá lồng, bè trên diện tích mặt nước được quy hoạch cho nuôi cá lồng, bè.

3. Lồng, bè di động: được buộc vào hệ thống giàn tre/gỗ,... và hệ thống làm nổi, dễ dàng di chuyển đến những vị trí khác khi cần thiết.

4. Lồng, bè cố định: được buộc vào hệ thống giàn tre/gỗ,... cố định.

Chương II
QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN NUÔI CÁ LỒNG, BÈ

Điều 3. Quy định chung

1. Cơ sở nuôi cá lồng, bè phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi thủy sản, nằm trong phân vùng mặt nước được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Các tổ chức, cá nhân nuôi cá lồng, bè phải:

a) Có quyền sử dụng mặt nước để nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành. Có một trong ba loại giấy tờ sau:

- Quyết định giao, cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng mặt nước cho nuôi trồng thủy sản có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn nơi có mặt nước và còn hiệu lực ít nhất 2 năm.

- Có văn bản cho phép nuôi cá lồng của cơ quan có thẩm quyền của địa phương.

b) Đăng ký tại UBND xã/phường/thị trấn và được cơ quan chuyên môn cấp huyện/thị xã/thành phố (phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế) kiểm tra đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với cơ sở nuôi cá lồng, bè; được UBND xã/phường/thị trấn chấp thuận cho nuôi trên cơ sở kết luận của biên bản kiểm tra đủ điều kiện.

c) Tuân thủ các quy định hiện hành và cam kết bảo vệ môi trường.

3. Khuyến khích các tổ chức cá nhân nuôi cá lồng, bè tham gia vào Chi hội nghề cá, tổ chức cộng đồng tại địa phương.

Điều 4. Quy định về điều kiện lồng, bè, trang thiết bị kỹ thuật

1. Điều kiện đặt lồng, bè cố định, di động

a) Vị trí đặt lồng, bè không bị ảnh hưởng bởi lũ, phương tiện giao thông đường thủy, mực nước không bị thay đổi đột ngột, không có dòng xoáy và không bị ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm; chọn nơi có dòng nước chảy, lưu tốc từ 0,2-0,5 mét/giây (m/s). Nếu nuôi hồ chứa phải lựa chọn nơi có dòng chảy, thông thoáng, nước sâu, không nuôi cá lồng, bè trong eo, ngách. Nơi đặt lồng, bè nuôi thủy sản phải có độ sâu ít nhất 3m.

b) Đáy lồng, bè phải đặt cách mặt đáy ít nhất 0,5m vào lúc mức nước thấp nhất.

c) Khoảng cách giữa các lồng, bè:

- Thể tích lồng có kích cỡ tối thiểu 15m^3 được bố trí đặt cách nhau tối thiểu 1m đối với 4 mặt lồng; trường hợp lồng có kích cỡ lớn thì khoảng cách giữa các lồng lớn hơn theo tỷ lệ tương ứng.

- Trường hợp đặt lồng, bè thành từng cụm (tối đa 6-10 lồng/cụm, kích cỡ tối đa 150m^3/cụm): các cụm lồng, bè khi đặt song song phải cách nhau tối thiểu 10m; khi đặt so le, nối tiếp cách nhau tối thiểu 200m để không gây cản trở dòng chảy.

- Khoảng cách đặt lồng, bè nuôi giữa các hộ: Trường hợp hộ nuôi bố trí hệ thống lồng nuôi đặt song song thì khoảng cách tối thiểu cách nhau 10m, đặt so le, nối tiếp thì khoảng cách tối thiểu cách nhau 200m.

d) Mật độ lồng, bè cho toàn vùng nuôi ở khu vực nước chảy chiếm tối đa 0,2% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất; khu vực nước tĩnh chiếm tối đa 0,05% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất.

2. Chất lượng nước nơi đặt lồng, bè cố định, di động

Chất lượng nước nơi đặt lồng, bè nuôi cá đảm bảo quy định tại Bảng 1

Bảng 1. Chất lượng nước nơi đặt lồng, bè

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH		6,5-8,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	mg/l	≥4
3	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	< 1
4	Độ trong	cm	≥ 30
5	Độ kiềm	mg $CaCO_3$/l	60-180

3. Điều kiện lồng, bè

a). Cơ sở lồng, bè:

Thiết kế lồng, bè dễ làm vệ sinh, khử trùng, dễ di dời, lắp đặt. Tùy theo điều kiện lồng, bè có hình dạng hình chữ nhật, hình vuông hoặc hình tròn và có kích cỡ tối thiểu 15m^3 nước/lồng.

- Lồng, bè di động: có kết cấu gồm hệ thống khung lồng, giàn tre/gỗ, phao hoặc thùng phi làm nổi,... để dễ dàng di chuyển.

- Lồng, bè cố định: có kết cấu gồm hệ thống giàn tre/gỗ cắm cố định để buộc lồng chắc chắn trong suốt vụ nuôi.

b) Kích cỡ mắt lưới lồng, bè nuôi thương phẩm

Lưới sử dụng để làm lồng có kích cỡ $2a \geq 3cm$ để đảm bảo lưu thông dòng nước và cung cấp đầy đủ oxy cho vùng nuôi, hạn chế dịch bệnh xảy ra trong khu vực nuôi cá lồng, bè.

c) Vật liệu làm lồng, bè và thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình nuôi

- Lồng, bè được làm bằng vật liệu chắc chắn, bền, có khả năng chống chịu với môi trường nước, sóng, gió và chất khử trùng tiêu độc.

- Dụng cụ, thiết bị sử dụng trong quá trình nuôi phải đảm bảo không gây tổn hại cho đối tượng nuôi, dễ làm vệ sinh tiêu độc, khử trùng.

- Động cơ và thiết bị máy móc sử dụng phải đảm bảo không rò rỉ xăng, dầu vào nguồn nước.

d) Công trình phụ trợ

- Khu ăn, nghỉ, sinh hoạt phải sạch sẽ, không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

- Kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn phải có mái che, thông thoáng, không ẩm ướt, ngăn được côn trùng và động vật gây hại. Khu chứa xăng, dầu được bố trí riêng biệt với kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn. Khu vực chứa dụng cụ, thiết bị phải gọn gàng không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

- Khu chế biến thức ăn cho thủy sản phải ở vị trí riêng biệt. Thiết bị, dụng cụ chế biến thức ăn phải được bố trí, lắp đặt để dễ kiểm tra, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

- Nhà vệ sinh: bố trí nhà vệ sinh phù hợp với số lượng lao động trên lồng, bè (ít nhất 01 nhà vệ sinh cho 25 người), kín và tự hoại, đảm bảo không có mối nguy làm ô nhiễm môi trường và khu vực nuôi.

- Mỗi cơ sở phải lắp đặt thùng rác và chuyển đến nơi thu rác tập trung.

- Không xả rác và các loại chất thải ra vùng nuôi và môi trường nước tự nhiên làm ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

đ) Quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong kỹ thuật nuôi

- Chuẩn bị lồng, bè nuôi:

Lồng, bè nuôi phải được vệ sinh, khử trùng trước và sau khi nuôi theo quy trình kỹ thuật với từng đối tượng thủy sản.

- Quy định về giống thủy sản:

+ Giống thủy sản có nguồn gốc rõ ràng, phải được mua từ các cơ sở đảm bảo chất lượng cá bố mẹ, cá giống và quá trình sản xuất giống, ương dưỡng.

+ Con giống đưa vào nuôi đã được kiểm tra, kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền.

+ Thả giống đúng lịch mùa vụ, tùy theo đối tượng mật độ không quá 50 con/m^3 đối với nuôi thương phẩm, kích cỡ giống phù hợp đảm bảo không bị lọt lưới ra ngoài.

- Thức ăn để nuôi thủy sản:

+ Sử dụng thức ăn công nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam; không sử dụng thức ăn đã hết hạn sử dụng.

+ Thức ăn tự chế biến: có đủ thành phần dinh dưỡng; nguyên liệu để chế biến không có *Salmonella*, nấm mốc độc (*Aspergillus flavus*), độc tố aflatoxin B1; không chứa kháng sinh, hóa chất cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

+ Hạn chế sử dụng thức ăn tươi, quá trình nuôi khuyến khích người dân thay thế dần thức ăn tươi bằng thức ăn công nghiệp có độ đạm cao để hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Phòng trị bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường:

+ Trong quá trình nuôi phải thường xuyên vệ sinh lưới để lồng nuôi luôn được thông thoáng, sạch sẽ; hàng ngày theo dõi môi trường nước và hoạt động của cá. Nếu thấy môi trường nước xấu, cá kém ăn hoặc xuất hiện bệnh phải có biện pháp xử lý kịp thời; không di chuyển cá từ lồng, bè này sang lồng, bè khác khi đang có bệnh xảy ra.

+ Chỉ sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường dùng cho nuôi trồng thuỷ sản được phép lưu hành tại Việt Nam, còn hạn sử dụng.

+ Khi sử dụng thuốc kháng sinh phải xác định rõ tác nhân gây bệnh, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật.

+ Cơ sở nuôi phải ghi chép việc sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường (ghi rõ ngày, loại, liều lượng, cách sử dụng).

+ Khi cá chết do bệnh hoặc do các nguyên nhân khác thì phải thu gom, đưa ra khỏi vùng nuôi và tiêu hủy theo đúng quy định.

- Khi có hiện tượng cá nuôi chết bất thường hoặc dịch bệnh, có dấu hiệu lây lan thì hộ nuôi phải thông báo với chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý chuyên môn liên quan để có hướng xử lý kịp thời.

- Thu hoạch cá:

+ Phải tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian ngừng sử dụng thuốc, hóa chất trước khi thu hoạch cá.

+ Cơ sở phải chấp hành thông báo dừng thu hoạch của cơ quan kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong trường hợp các chỉ tiêu vi sinh, hóa học trong sản phẩm nuôi vượt quá giới hạn cho phép.

e) Bảo hộ lao động:

- Người làm việc tại cơ sở phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, có hiểu biết về chuyên môn, kỹ thuật trong lĩnh vực hoạt động.

- Cơ sở phải trang bị đầy đủ các thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo).

g) Xử lý rác thải:

- Rác thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến nguồn nước. Không xả rác, thức ăn ôi thiu, thủy sản chết xuống khu vực lồng, bè và môi trường xung quanh.

h) Ghi chép và lưu giữ hồ sơ

- Cơ sở phải theo dõi, ghi chép các thông tin liên quan trong quá trình nuôi.

- Lập và lưu giữ hồ sơ liên quan bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước/quyết định giao mặt nước/hợp đồng cho thuê mặt nước/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ mua giống và kiểm dịch khi mua giống bao gồm xuất xứ, số lượng và chất lượng giống; hồ sơ theo dõi quá trình nuôi; phiếu mua thuốc, hóa chất; tình trạng sức khoẻ và các biện pháp kiểm soát bệnh; các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý (nếu có); các thông tin của sản phẩm khi bán.

- Hồ sơ phải được lưu giữ tối thiểu là 2 năm.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CƠ SỞ NUÔI LỒNG/BÈ

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức hướng dẫn, triển khai và thực hiện Quy định này.

2. Ban hành khung lịch thời vụ nuôi cá lồng, bè hàng năm.

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tuyên truyền phổ biến việc thực hiện Quy định này.

a) Chi cục Thủy sản: Phối hợp với địa phương rà soát quy hoạch, kiểm tra điều kiện cho phép nuôi; kiểm tra, giám sát, thanh tra việc nuôi cá lồng, bè theo đúng quy định; quan trắc môi trường.

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Kiểm tra, kiểm dịch thủy sản giống và kiểm soát dịch bệnh theo các quy định hiện hành; xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh hàng năm.

c) Chi cục Thủy lợi: Chủ trì phối hợp với Chi cục Thủy sản trong công tác điều tiết nước phục vụ nuôi cá lồng, bè; vấn đề liên quan đến các hoạt động nuôi cá lồng, bè trong các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh.

d) Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Thực hiện việc lấy mẫu, giám sát chất lượng vệ sinh an toàn sản phẩm thủy sản.

d) Trung tâm Khuyến nông: Xây dựng và nhân rộng các mô hình nuôi cá lồng, bè đạt hiệu quả cao, ổn định, bền vững về môi trường phù hợp với điều kiện của từng vùng.

e) Trung tâm Giống: sinh sản nhân tạo; thu gom ương dưỡng các đối tượng giống chủ lực bản địa có giá trị kinh tế để phục vụ nhu cầu người nuôi.

Điều 6. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

1. Quy hoạch chi tiết và thực hiện quy hoạch vùng nuôi cá lồng, bè trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố.

2. Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/phòng Kinh tế thị xã, thành phố chủ trì kiểm tra điều kiện để UBND các xã/phường/thị trấn chấp thuận hộ nuôi đủ điều kiện mặt nước và cơ sở trang thiết bị nuôi cá lồng, bè (có biểu mẫu đính kèm).

3. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế; UBND các xã/phường/thị trấn có nuôi cá lồng, bè phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các tổ chức, các đoàn thể để tổ chức tuyên truyền, quán triệt và vận động người dân chấp hành nghiêm Quy định này.

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc nuôi cá lồng, bè đảm bảo các quy định của pháp luật. Xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của UBND các xã/phường/thị trấn

1. Phổ biến Quy định này đến từng chủ cơ sở, từng vùng nuôi và thực hiện đầy đủ nội dung của Quy định này.

2. Tiếp nhận đăng ký và chấp thuận nuôi cá lồng, bè đủ điều kiện khi có biên bản xác nhận đủ điều kiện của phòng Nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế; đồng thời hướng dẫn, phổ biến, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện Quy định này.

3. Quy hoạch chi tiết, tổ chức nuôi cá lồng, bè dựa vào cộng đồng.

4. Phối hợp, đề xuất với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra cơ sở đủ điều kiện nuôi cá lồng, bè.

5. Hàng tháng UBND xã/phường/thị trấn có tổng hợp báo cáo các hộ đăng ký nuôi cho UBND huyện/thị xã/thành phố và Sở Nông nghiệp và PTNT.

Điều 8. Trách nhiệm của Hội nghề cá tỉnh, các Chi hội nghề cá, HTX, tổ hợp tác, tổ tự quản

1. Tổ chức nuôi cá lồng, bè theo cộng đồng.

2. Cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình nuôi, diễn biến môi trường, dấu hiệu bệnh của các lồng, bè khi có yêu cầu của cơ quan chuyên môn; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn liên quan trong xử lý môi trường và dịch bệnh.

3. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương trong đầu tư và thực hiện nuôi lồng, bè theo quy hoạch.

4. Báo cáo kịp thời cho cơ quan thẩm quyền địa phương các hành vi vi phạm Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân nuôi cá lồng, bè

1. Các tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành nuôi cá lồng, bè phải đăng ký và được chấp thuận của UBND các xã/phường/thị trấn (sau khi có biên bản đánh giá đủ điều kiện của Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/Phòng Kinh tế thị xã, thành phố) mới được triển khai thực hiện.

2. Quán triệt và thực hiện đầy đủ nội dung của Quy định này và quy định cụ thể của hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, hội nghề nghiệp về quản lý cơ sở, vùng nuôi cá lồng, bè trên địa bàn.

3. Cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về môi trường, dịch bệnh cho cán bộ kỹ thuật và các cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

4. Kịp thời ngăn chặn và phản ánh với cơ quan chức năng khi phát hiện các hành vi vi phạm.

5. Khi có dịch bệnh xảy ra, phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để tìm biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế thiệt hại.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ sở dịch vụ liên quan đến nuôi cá lồng, bè

Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ liên quan đến việc nuôi cá lồng, bè chỉ được phép lưu hành, cung ứng các mặt hàng nằm trong danh mục được lưu hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đã được các cơ quan Nhà nước kiểm định, kiểm dịch.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO

Điều 11. Khen thưởng

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thành tích trong việc tuyên truyền, thực hiện Quy định này, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với chính quyền địa phương những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắt, UBND các huyện/thị xã/thành phố; các xã/phường/thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương